

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v: “Ly hôn giữa chị L
và anh H”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thành Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Huệ**

2. Ông **Nguyễn Văn Thơm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện C, TP.Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện C, TP.Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Do quen biết, tìm hiểu, yêu thương và được sự đồng ý của cha mẹ gia đình hai bên nên vào năm 2000 chị và anh Nguyễn Văn H đã cưới nhau, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày 14/5/2014. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha, mẹ chồng tại ấp Th, xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ được khoảng thời gian ngắn thì đến thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương sinh

sống và làm việc ở đây. Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Khi sự việc xảy ra, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh H không hề sửa đổi nên chị đã viết đơn xin ly hôn với anh H và chuẩn bị nộp đơn. Khi đó, anh H xin chị tha thứ và cam kết sẽ sửa đổi. Do còn thương anh H và các con nên chị đã không nộp đơn. Tuy nhiên, sau đó anh H vẫn thường xuyên liên lạc với người phụ nữ đó, có lần còn gọi điện trước mặt chị. Khi chị khuyên can thì vợ chồng cự cãi và anh H còn đánh chị dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng và phải sống ly thân từ đầu năm 2020. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống như thế không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Thu Y (nữ), sinh ngày 20/02/2002; Nguyễn Hoàng Bảo Kh (nam), sinh ngày 19/12/2015. Chị đang nuôi dưỡng Bảo Kh. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi Bảo Kh vì hiện tại thu nhập của chị khoảng 7.000.000 đồng và làm gần nhà nên có đủ điều kiện nuôi dạy, chăm sóc con. Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2020. Đối với con chung tên Thu Y đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có trình bày tại tờ tự khai và phiên hòa giải:

- Về hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị L về việc kết hôn, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung, nhưng nguyên nhân gây mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, anh thừa nhận là trước đây anh có đánh chị L và có người phụ nữ khác bên ngoài nhưng khi chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh đã bỏ những tật xấu này. Thời gian gần đây, người phụ nữ đó tự gọi điện thoại cho anh và chỉ nói chuyện vài câu. Ngày chị L bỏ về nhà cha, mẹ vợ sinh sống, vợ chồng có mâu thuẫn và anh đánh chị L, nhưng anh đã hối hận. Nay anh mong chị L tha thứ và cho anh một cơ hội nữa để cùng chăm sóc con. Do đó, anh không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Tuy hiện tại anh không trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo Kh (nam), sinh ngày 19/12/2015, nhưng anh yêu cầu được nuôi Bảo Kh sau ly hôn vì thu nhập của anh một tháng khoảng 17.000.000 đồng bằng việc cho vay ở phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Nếu được nuôi con anh sẽ đem con lên Bình Dương sống chung với anh vì anh đang ở trọ trên đây. Trường hợp Tòa án giao con cho chị L nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Thu Y (nữ), sinh ngày 20/02/2002 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện anh Nguyễn Văn H có địa chỉ tại ấp Th, xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ với yêu cầu được ly hôn với anh H và giải quyết việc nuôi con chung sau khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Khi tiến hành xét xử, anh Nguyễn Văn H được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H cưới nhau vào năm 2000, đến năm 2014 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị có giá trị pháp lý. Trong thời kỳ hôn nhân, chị L trình bày do anh H có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm, chăm sóc vợ con nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Khi biết sự việc, chị khuyên can, anh H không những không sửa đổi mà còn đánh chị nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến phải ly thân từ đầu năm 2020. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống như thế không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H. Anh H thừa nhận có người phụ nữ khác bên ngoài và đánh chị Ly, nhưng anh đã từ bỏ và rất hối hận việc mình đã làm. Cho nên, anh không đồng ý ly hôn, mong muốn chị L tha thứ và cho anh một cơ hội nữa để cùng chăm sóc con. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân muốn đem lại hạnh phúc lâu dài cho cả hai vợ chồng và các con sau này thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia

đình. Nhưng cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh H có quá nhiều mâu thuẫn, bất hòa và ngày càng trầm trọng. Trải qua thời gian dài ly thân và được sự hòa giải, động viên đoàn tụ của Tòa án nhưng hai bên vẫn không thể hàn gắn. Điều này cho thấy đời sống chung giữa chị L và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bên cạnh đó, anh H cũng thừa nhận, nếu chị L không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc anh thì có chung sống với nhau vợ chồng cũng không có hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H đều có yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo Kh. Xét thấy, chị L và anh H đều có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Bảo Kh. Tuy nhiên, chị L có đủ điều kiện hơn vì chị Ly làm gần nhà, có thể sáng đi, chiều về, Bảo Kh hiện do chị Ly nuôi dưỡng và có hộ khẩu thường trú tại ấp Thạnh Lộc 2, xã Trung An nên dễ dàng trong việc học hành của cháu sau này. Còn anh H thì đi làm xa, nếu giao cho anh thì cháu Bảo Kh phải cùng anh đến Bình Dương sinh sống và ở trọ. Điều này gây khó khăn cho việc học hành của Bảo Kh sau này. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao Bảo Kh cho chị L nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Thu Y đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2020, anh Hân cũng đồng ý cấp dưỡng. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L và việc đồng ý cấp dưỡng nuôi con của anh H không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định pháp luật.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con): Anh Nguyễn Văn H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Văn H.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo Kh (nam), sinh ngày 19/12/2015 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Thu Y (nữ), sinh ngày 20/02/2002 đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn H, không ai được phép cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai số 013052 ngày 05 tháng 3 năm 2020 thành án phí.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng.

4. Tuyên án công khai. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Tr,
huyện C, TP.Cần Thơ;
- Phòng Tư pháp huyện C;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Sang

